TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày: 28/02/2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre *tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp ĐĐ, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1983

Bà Phạm Nhật Q, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông có làm công cho ông B và bà Q, công việc của ông là phụ làm lộ nhựa vào nhà ông B và bà Q. Trong quá trình làm công, ông B và bà Q có mượn tiền của ông để mua đá và nhựa. Tổng tiền công làm và tiền cho mượn là 13.285.000 đồng. Ông B đã xác nhận ông B có nợ ông số tiền tổng cộng là 13.285.000 đồng trong giấy cho mượn tiền và tiền công làm ngày 13/01/2017.

Đối với tiền làm công, ông đã khởi kiện và Bản án của Tòa án đã tuyên buộc ông B và bà Q trả cho ông số tiền làm công là 4.125.000 đồng. Đối với số tiền mượn là 9.160.000 đồng, đến nay ông B và bà Q chưa trả cho ông. Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu ông B và bà Q trả cho ông số tiền là 9.160.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Phạm Nhật Q trình bày:

Bà và ông B có nhận làm công trình trải nhựa đường. Trong quá trình làm, do thiếu vốn nên bà và ông B có mượn của ông N số tiền 5.500.000 đồng để mua đá và đổ nhựa. Sau khi làm xong, chủ công trình không trả tiền cho bà và ông B nên bà và ông B không có tiền trả lại cho ông N.

Bà và ông B chỉ có nợ ông N số tiền 5.500.000 đồng. Do đó, nay bà và ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà và ông B chỉ đồng ý trả 5.500.000 đồng cho ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông B đến để tiến hành hòa giải, đối chất nhưng ông B vẫn vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải và đối chất được với ông B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo ông N trình bày thì ông có cho ông B và bà Q mượn số tiền là 9.160.000 đồng. Hai bên có viết biên nhận ngày 13/01/2017. Đến nay ông B và bà Q không trả cho ông số tiền này nên ông khởi kiện.

Xét quan hệ tranh chấp giữa ông N và ông B, bà Q là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông B và bà Q hiện đang sinh sống tại thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông B đến để tiến hành hòa giải nhưng ông B vẫn vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được với ông B. Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã nhiều lần mời ông B và bà Q đến để tiến hành đối chất nhưng ông B và bà Q vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông B và bà Q vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà Q là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo giấy cho mượn tiền và tiền công ngày 13/01/2017 giữa ông N và ông B thì ông B xác nhận có nợ ông N số tiền tổng cộng là 13.285.000 đồng, gồm tiền công lao động và tiền mượn. Đối với số tiền công lao động, Bản án số 01/2018/LĐ-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên buộc ông B và bà Q trả cho ông N số tiền công lao động là 4.125.000 đồng. Còn số tiền mượn là 9.160.000 đồng (13.285.000 đồng - 4.125.000 đồng), đến nay ông B vẫn không trả cho ông N số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông B đến để tiến hành hòa giải, đối chất nhưng ông B vẫn cố tình không đến. Bà Q trình bày có nợ ông N số tiền là 5.500.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Tòa án cũng đã nhiều lần mời bà Q đến để tiến hành hòa giải, đối chất nhưng bà Q vẫn cố tình không đến.

Như vậy, việc ông N căn cứ vào biên nhận nợ ngày 13/01/2017 khởi kiện yêu cầu ông B trả tổng số tiền nợ là 9.160.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông B và bà Q. Bà Q cũng thừa nhận có nợ tiền ông N. Do đó, có đủ cơ sở buộc bà Q liên đối với ông B trả cho ông N số tiền 9.160.000 đồng.

Về tiền lãi, ông N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 9.160.000 đồng nên được ghi nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc ông B và bà Q có trách nhiệm liên đới trả cho ông N tổng số tiền nợ là 9.160.000 đồng, ghi nhận việc ông N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông B và bà Q phải nộp là 9.160.000 đồng x 5% = 458.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N đối với bị đơn bà ông Nguyễn Thanh B và bà Phạm Nhật Q:

Buộc ông Nguyễn Thanh B và bà Phạm Nhật Quỳnh có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thành N tổng cộng số tiền là 9.160.000 (Chín triệu một trăm sáu mươi ngàn) đồng. Ghi nhận việc ông Nguyễn Thành N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 9.160.000 (Chín triệu một trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, số tiền trên chưa được thi hành thì bên phải thi hành án chưa thi hành án phải trả lãi đối với số tiền gốc chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 458.000 (Bốn trăm năm mươi tám ngàn) đồng ông Nguyễn Thanh B và bà Phạm Nhật Q phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành N số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013103 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều